

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18/4/2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Xuân Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Khải Hoàng

2. Bà Phạm Kim Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn K. Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị N. Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Văn K trình bày: Ông và bà Huỳnh Thị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng từ cuối năm 1998 đến nay, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và không thể hàn gắn được. Ông bà đã ly thân từ năm 1998 đến nay. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Thị N.

Về con chung: có 01 con chung tên là Lê Thị M (giới tính: Nữ), sinh năm 1992, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Huỳnh Thị N trình bày: Bà và ông K chung sống với nhau vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng từ cuối năm 1998 đến nay, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và không thể hàn gắn được. Ông bà đã ly thân từ năm 1998 đến nay. Vì vậy, bà đồng ý ly hôn với ông K.

Về con chung: có 01 con chung tên là Lê Thị M (giới tính: Nữ), sinh năm 1992, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Ông Lê Văn K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Huỳnh Thị N nên Tòa án xác định đây là tranh chấp ly hôn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn bà Huỳnh Thị N cư trú tại ấp Tư Sáng, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Huỳnh Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê Văn K và bà Huỳnh Thị N đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng từ đó đến nay không đăng ký kết hôn. Vì vậy, nay ông K xin ly hôn với bà N, bà N cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông K và bà N là có căn cứ và phù hợp với Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] *Về con chung:* quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung là Lê Thị Muội (giới tính: Nữ), sinh năm 1992. Hiện nay, đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung:* các đương sự trình bày không có và cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông K phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn K với bà Huỳnh Thị N.

2. Về con chung: đã trưởng thành và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

3. Về tài sản chung và nợ chung: do chưa có yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn ông Lê Văn K phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp theo biên lai số 0020208 ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí. Ông K không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khải Hoàng

Phạm Kim Ngọc

Huỳnh Xuân Tình

